

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐIỀM THỤY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/TB-UBND

Điềm Thụy, ngày 21 tháng 01 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phú Bình

Căn cứ Luật đất đai năm 2013 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

Căn cứ nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 2/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Bình thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 4233/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2021 và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phú Bình;

Căn cứ Thông báo số 01/TB-UBND ngày 07/01/2022 của UBND huyện Phú Bình về việc công khai kế hoạch sử dụng đất huyện Phú Bình năm 2022;

UBND xã Điềm Thụy thực hiện thông báo công khai kế hoạch sử dụng đất huyện Phú Bình năm 2022, nội dung cụ thể như sau:

Công khai toàn bộ Quyết định số 4233/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2021 và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phú Bình tại trụ sở UBND xã Điềm Thụy, trang thông tin điện tử của xã và thông báo trên hệ thống loa phát thanh của UBND xã được kết nối tới các cụm loa của các xóm trên địa bàn xã theo quy định.

(Có Quyết định chi tiết kèm theo)

UBND xã Điềm Thụy thông báo cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy; TT HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Cán bộ, CC xã;
- Các xóm;
- Lưu: VT.



Dương Ngọc Thơm



Ủy ban nhân dân
huyện Phú Bình
Tỉnh Thái Nguyên
20.01.2022 10:23:26
+07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *01* /TB-UBND

Phú Bình, ngày *07* tháng *07* năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc Công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phú Bình

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Căn cứ Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh v/v phê duyệt quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Bình thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về việc thông qua điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2021 và thông qua danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 4233/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên v/v điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2021 và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phú Bình

Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình tiến hành thông báo công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phú Bình, nội dung cụ thể như sau:

1. Nội dung công khai:

Toàn bộ Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về việc thông qua điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2021 và thông qua danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 4233/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên v/v điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2021 và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phú Bình

2. Nội dung công khai trên được niêm yết công khai tại Trụ sở UBND huyện Phú Bình (Phòng Tài nguyên & Môi trường, Bộ phận Tiếp nhận và trả

kết quả) và được đăng tải công khai trên trang Thông tin điện tử của huyện Phú Bình (*Website: http://phubinh.thainguyen.gov.vn*)

3. Giao UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm:

- Thực hiện việc niêm yết công khai toàn bộ nội dung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phú Bình tại trụ sở UBND các xã, thị trấn.

- Thực hiện công tác thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất đảm bảo theo đúng quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất được duyệt, tiến hành xử lý kịp thời các vi phạm về quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

4. Giao cho Phòng Tài nguyên & Môi trường có trách nhiệm:

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn UBND các xã, thị trấn thực hiện theo đúng quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình thông báo đề các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn, các tổ chức và cá nhân được biết và thực hiện./

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn
- Lưu: VT, TNMT. *hm*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Nguyễn Minh Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4233/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 và phê duyệt
kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phú Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
Căn cứ Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2021 và thông qua danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;
Căn cứ Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Bình thời kỳ 2021-2030;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 966/TTr-STNMT ngày 30 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Phú Bình với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

Tổng diện tích các loại đất phân bổ năm 2022 là 1.044,11 ha

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

Tổng diện tích thu hồi đất năm 2022 là 911,15 ha

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 là 861,41 ha

(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:

Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2022 là 4,83 ha

(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)

5. Danh mục các công trình, dự án:

Tổng số công trình, dự án thực hiện năm 2022 là 162 công trình, dự án, với diện tích sử dụng đất là 1.044,11 ha. Trong đó:

- Có 122 công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2021 sang thực hiện năm 2022, với diện tích sử dụng đất là 728,12 ha.

(Chi tiết tại phụ lục V kèm theo)

- Có 40 công trình, dự án đăng ký mới năm 2022, với diện tích sử dụng đất là 315,99 ha.

(Chi tiết tại phụ lục VI và danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Phê duyệt điều chỉnh diện tích đối với 03 dự án đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 4126/QĐ-UBND ngày 30/12/2020, Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 8/4/2021 và Quyết định số 2881/QĐ-UBND ngày 14/9/2021.

(Chi tiết tại phụ lục VII kèm theo)

Điều 3. Căn cứ vào Điều 1 và Điều 2 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các dự án có chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên, Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo UBND tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ chấp

thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trước khi thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

4. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất. Chịu trách nhiệm về việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- TT. Thông tin- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD, TH. /s/

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ký bởi: Văn phòng Ủy ban nhân dân

Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Ngày ký: 30-12-2021 13:45:58
+07:00

Lê Quang Tiến

Phụ lục V

DANH MỤC 122 CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2021 SANG THỰC HIỆN NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 4233 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG		728,12	289,92			438,19
1	Trang trại chăn nuôi tổng hợp xóm Đồng Bàu Ngoài	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	4,05				4,05
2	Khu đô thị Cầu Cỏ	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,99	3,99			
3	Khu đô thị số 12	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	11,63	8,55			3,08
4	Khu đô thị số 8	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	11,25	5,86			5,39
		Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	4,40	2,65			1,75
5	Dự án xây dựng Khu đô thị số 04 thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	4,30	0,13			4,17
6	Dự án xây dựng Khu đô thị số 05 thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	6,60	5,11			1,49
7	Dự án xây dựng Khu đô thị số 06 thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,88	3,78			0,10
8	Dự án khu dân cư Hồ Đình	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	1,42	1,28			0,14
9	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư số 2 thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	0,95	0,57			0,38
10	Dự án xây dựng Khu đô thị số 7 thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,63	2,52			1,11
11	Dự án xây dựng Khu đô thị số 11 thị trấn Hương Sơn	Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,50	1,50			0,00
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,90	3,90			0,00
12	Khu đô thị Hòa Bình	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	37,28	23,85			13,43
13	Khu đô thị số 4 thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	13,98	7,75			6,23
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	2,00	1,88			0,12
14	Khu đô thị kiểu mẫu Phú Bình	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	20,00	8,10			11,90
15	Khu đô thị số 10	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	10,00	5,63			4,37
16	Điểm dân cư nông thôn và chợ trung tâm xã Nhã Lộ	Xã Nhã Lộ, huyện Phú Bình	3,32	2,09			1,23
17	Khu đô thị số 2 thuộc khu đô thị mới xã Diềm Thụy	Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình	9,00	3,00			6,00
18	Điểm dân cư trung tâm xã Tân Đức	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	4,82	4,30			0,52
19	Điểm dân cư nông thôn sinh thái Diềm Thụy	Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình	9,00				9,00
20	Khu đô thị số 6 thuộc đô thị mới Diềm Thụy, huyện Phú Bình	Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình	7,58	5,55			2,03
21	Khu tái định cư Khu công nghiệp Diềm Thụy 170 ha	Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình	1,90	0,87			1,03

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
22	Khu nhà ở xã hội Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	5,00	3,90			1,10
23	Khu đô thị số 3 thuộc đô thị mới Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	11,94	7,34			4,60
24	Điểm dân cư Ngọc Xuân, xóm Kiều Chính, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	9,00	6,50			2,50
25	Dự án xây dựng Khu dân cư mới Phú Lâm	Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	5,00	4,90			0,10
26	Khu đô thị Phú Bình 1	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	5,60				5,60
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,60				3,60
		Xã Nga My, huyện Phú Bình	1,55				1,55
27	Khu đô thị Phú Bình 2	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	5,86				5,86
		TT Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,60				3,60
		Xã Nga My, huyện Phú Bình	1,66				1,66
28	Dự án điểm dân cư nông thôn xóm Lương Thái, xã Lương Phú	Xã Lương Phú, huyện Phú Bình	1,23	0,80			0,43
29	Dự án khu dân cư trung tâm xã Bàn Đạt	Xã Bàn Đạt huyện Phú Bình	0,60	0,60			
30	Đấu giá quyền sử dụng đất 01 lô đất tại khu dân cư trung tâm xã Úc Kỳ	Xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	0,01	0,01			
31	Dự án Điểm dân cư nông thôn xóm Rô, xã Thượng Đình	Xã Thượng Đình, huyện Phú Bình	0,15				0,15
32	Khu tái định cư xóm Trạng, xã Diêm Thụy (Khu tái định cư khu công nghiệp 170 ha)	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	6,01	4,19			1,82
33	Dự án mở rộng khu trung tâm xã Nhà Lộng	Xã Nhà Lộng, huyện Phú Bình	0,40				0,40
34	Khu đô thị số 4 (thuộc đô thị mới Diêm Thụy)	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	5,00	3,13			1,87
35	Khu dân cư cửa ngõ Đông Nam tỉnh Thái Nguyên	Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	29,13	17,36			11,77
36	Điểm dân cư trung tâm xã Tân Đức (bổ sung)	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	2,00	1,94			0,06
37	Khu đô thị số 2 (thuộc đô thị mới Diêm Thụy) (bổ sung)	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	0,73				0,73
38	Đấu giá đất ở khu dân cư (thuộc quy hoạch Khu trung tâm xã Bàn Đạt)	Xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình	0,12				0,12
39	Điểm dân cư phía Tây Bắc, xã Kha Sơn	Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	10,96	8,96			2,00
40	Khu dân cư mới Ngọc Hà	Xã Nga My, huyện Phú Bình	10,77	8,88			1,89
		Xã Hà Châu, huyện Phú Bình	0,63	0,63			
41	Khu đô thị Phú Bình 1 (bổ sung)	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	0,24	0,02			0,22
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	0,15				0,15
		Xã Nga My, huyện Phú Bình	0,07				0,07
42	Điểm dân cư nông thôn Đông Yên, xã Thượng Đình	Xã Thượng Đình, huyện Phú Bình	4,93	4,02			0,91

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
43	Dự án xây dựng Trụ sở UBND xã Đào Xá	Xã Đào Xá, huyện Phú Bình	0,72	0,65			0,07
44	Trụ sở UBND xã Tân Khánh	Xã Tân Khánh, huyện Phú Bình	0,03				0,03
45	Phòng làm việc Ban Chỉ huy quân sự xã Hà Châu	Xã Hà Châu, huyện Phú Bình	0,05				0,05
46	Công trình mở rộng trụ sở UBND xã Úc Kỳ	Xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	0,08	0,08			
47	Xây dựng khu trung tâm xã Nhã Lộng (hạng mục: cải tạo nâng cấp Trụ sở làm việc UBND xã; Nhà làm việc bộ phận một cửa; Nhà đa năng)	Xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình	0,10				0,10
48	Công trình mở rộng Trường bán, Thao trường huấn luyện Trường Quân sự/Quân khu I	Xã Bàn Đạt và xã Tân Khánh, huyện Phú Bình	2,61	1,91			0,70
49	Nâng cấp công trình ngầm trong căn cứ chiến đấu và xây dựng trận địa súng máy phòng không 12,7mm	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	0,25				0,25
50	Thao trường bắn của Ban chỉ huy quân sự huyện	Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	6,07	0,29			5,78
51	Thao trường bắn Hồ Cùg xã Tân Kim	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	0,30				0,30
52	Trạm sửa chữa Trường Quân sự Quân khu I	Xã Thượng Đình, huyện Phú Bình	0,31				0,31
53	Hầm hợp Huyện ủy trong căn cứ chiến đấu huyện Phú Bình	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	0,66				0,66
54	Dự án xây dựng Nhà văn hóa Trung tâm xã Nhã Lộng	Xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình	0,51	0,30			0,21
55	Dự án xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã Bàn Đạt	Xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình	1,30	1,20			0,10
56	Mở rộng nhà văn hóa xóm La Đuốc xã Tân Kim	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	0,56	0,47			0,09
57	Nhà văn hóa xóm La Lê, xã Tân Thành	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	0,40	0,00			0,40
58	Dự án xây dựng quảng trường huyện Phú Bình	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	1,36	1,17			0,19
59	Nhà văn hóa xã Tân Hòa	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	0,18				0,18
60	Sân thể thao trung tâm xã Tân Kim	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	0,03				0,03
61	Trung tâm văn hóa thể thao xã Thanh Ninh	Xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình	0,51	0,51			
62	Cải tạo, nâng cấp Đền thờ các anh hùng liệt sỹ huyện Phú Bình	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	0,40				0,40
63	Mở rộng Trường Mầm Non Bảo Lý	Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	0,04	0,04			
64	Dự án xây dựng trường mầm non xã Dương Thành	Xã Dương Thành, huyện Phú Bình	0,32				0,32
65	Công trình xây dựng Trường Mầm non xã	Xã Thượng Đình, huyện Phú Bình	0,33				0,33
66	Công trình mở rộng Trường Mầm non	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	0,31	0,31			
67	Công trình xây dựng Trường Mầm non trung tâm	Xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình	0,52	0,52			
68	Công trình nhà lớp học và một số công trình phụ trợ trường Tiểu học Hà Châu	Xã Hà Châu, huyện Phú Bình	0,04				0,04
69	Trường mầm non Tân Hòa	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	0,15				0,15
70	Công trình xây dựng Sân thể thao trung tâm xã Tân Kim	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	0,22	0,14			0,08

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
71	Dự án: xây dựng khu thể thao xã Nga My	Xã Nga My, huyện Phú Bình	0,06	0,06			
72	Dự án xây dựng Công trình sân vận động, thể thao núi Cấm	Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	2,60				2,60
73	Khu công nghiệp Điềm Thụy (phần diện tích 170 ha)	Xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình	44,39	15,99			28,40
74	Khu công nghiệp Điềm Thụy (phần diện tích 170 ha)	Xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình	30,00	8,80			21,20
75	Khu công nghiệp Điềm Thụy phần diện tích 180ha (khu A)	Xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình	5,00	1,20			3,80
76	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Điềm Thụy (giai đoạn 1)	Xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình	10,40	4,78			5,62
77	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Điềm Thụy (giai đoạn 2)	Xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình	10,47	4,61			5,86
78	Cụm công nghiệp Bảo Lý - Xuân Phương	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	7,67	5,42			2,25
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	13,27	8,54			4,73
		Xã Nga My, huyện Phú Bình	6,05	3,84			2,21
79	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Điềm Thụy (bổ sung)	Xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình	15,35	8,61			6,74
80	Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình	Xã Nga My, huyện Phú Bình	63,10	28,80			34,30
81	Trụ sở làm việc, nhà kho, xưởng sản xuất HTX Tân Ngọc	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	0,40	0,40			
82	Dự án Khu trồng giữ xe và đón trả công nhân Samsung (Công ty TNHH Xây dựng và Vận tải Anh Mão)	Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	0,74	0,74			
83	Khu trung bày, bán sản phẩm hóa dầu và dịch vụ tiện ích Thượng Đình	Xã Thượng Đình, huyện Phú Bình	0,27	0,10			0,17
84	Cơ sở sản xuất và trưng bày sản phẩm thời trang may Phú Lâm (Công ty Hà Sơn)	Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	0,20	0,17			0,03
85	Chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của hộ gia đình (Dương Nghĩa Lùng, Dương Nghĩa Lý)	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	0,64	0,41			0,23
86	Dự án Khai thác mỏ cát, sỏi tại Khu vực xóm Bông Lai, xã Thượng Đình và xóm Ngựợc, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình và công trình phụ trợ	Xã Thượng Đình, huyện Phú Bình	6,07	0,53			5,54
		Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	0,84				0,84
87	Dự án xây dựng mỏ cát sỏi tại Khu vực xóm Ngựợc, xã Nhã Lộng và xã Bảo Lý	Xã Nhã Lộng và xã Bảo Lý	24,43	3,36			21,07
88	Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực xóm Ngoài, xóm Giữa xã Xuân Phương và xóm Nhi xã Kha Sơn.	xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	2,40				2,40
89	Khai thác cát sỏi tại khu vực Gò Lai, xóm Gò Lai và xóm Bông lai, xã Thượng Đình, huyện Phú Bình	Xã Thượng Đình, huyện Phú Bình	6,20	2,16			4,04
90	Khai thác đất làm vật liệu san lấp khu vực các xóm Làng Cả, Làng Ngò, Vực Giàng xã Tân Hòa	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	0,27				0,27

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
91	Kho bãi tập kết sản xuất vật liệu xây dựng	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	1,00				1,00
92	Khai thác mỏ đất san lấp khu vực núi Lâm, núi Hiếu	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	1,64				1,64
93	Dự án khai thác mỏ cát sỏi khu vực Gò Gây, xã Nhã Lộng và khu vực soi áp, xã Hà châu (Cty cổ phần Quốc Cường Mê Linh)	Xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình	9,00				9,00
94	Mỏ đất san lấp khu vực xã Bảo Lý, xã Tân Thành và xã Tân Hòa	Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	3,13				3,13
		Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	31,10				31,10
		Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	14,90				14,90
95	Mỏ đất san lấp khu vực núi Mỏ, xã Diêm Thụy; khu vực núi Pheo và núi Thiệp, xã Úc Kỳ	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	6,11				6,11
		Xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	5,55				5,55
96	Đường Vành đai 5, vùng thủ đô Hà Nội	Xã Nga My, huyện Phú Bình	14,80	1,20			13,60
		Xã Hà Châu, huyện Phú Bình	10,50	1,00			9,50
97	Đường giao thông vào trụ sở UBND xã Đào Xá mới	Xã Đào Xá, huyện Phú Bình	0,16	0,04			0,12
98	Công trình xây dựng đường giao thông cụm di tích Đình Đền Chùa Cầu Muối	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	0,95	0,15			0,80
99	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 261, đoạn từ Km 46+200 - Km49+982 và cầu Đẽo tại lý trình Km45+136	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	3,15	0,25			2,90
100	Đường nối Quốc lộ 37 đến cầu vượt Sông cầu (Đoạn km0+00-km2+268,86)	Thị trấn Hương Sơn, xã Nga My, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	11,46				11,46
101	Dự án xây dựng công trình cầu Na Mé xã Bàn Đạt	Xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình	0,12	0,07			0,05
102	Điểm trông giữ xe Khu Di tích Đình Đền Chùa Cầu Muối	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	3,32	1,92			1,40
103	Đường đi vào sân lễ hội Khu Di tích Đình Đền Chùa Cầu Muối	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	0,27	0,07			0,20
104	Hiển đất để mở rộng đường giao thông và làm đường giao thông vào vị trí chuyển mục đích	Các xã, thị trấn, huyện Phú Bình	1,00	0,50			0,50
105	Đường Vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội	Xã Nga My, huyện Phú Bình	1,00	0,25			0,75
106	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT 266 đoạn từ ngã tư Sông Công (giao Quốc lộ 3 cũ) đến ngã tư Diêm Thụy (giao Quốc lộ 37)	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	10,70	0,98			9,72
107	Xây dựng khu trung tâm xã Nhã Lộng (hạng mục: tuyến đường giao thông từ UBND xã Nhã Lộng đi Trường Mầm non Nhã Lộng)	Xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình	0,40	0,20			0,20
108	Dự án đầu tư xây dựng công trình Kè chống sạt lở bờ sông bảo vệ khu dân cư tại vị trí xóm Soi 2, xóm Trại 1, xóm Múc, xã Úc Kỳ	Xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	2,81				2,81

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
109	Dự án đầu tư xây dựng công trình Tuyến đê Hà Châu (đoạn từ Km3+500 - Km3+700 và đoạn từ Km4+950 - Km5+350)	Xã Hà Châu, huyện Phú Bình	1,82				1,82
110	Dự án đầu tư xây dựng công trình Kè chống xói lở bờ sông cầu bảo vệ khu dân cư, xã Bảo Lý và xã Đào Xá, huyện Phú Bình	Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	1,70	0,00			1,70
		Xã Đào Xá, huyện Phú Bình	1,15	0,02			1,13
111	Mở rộng sân lễ hội Khu Di tích Đình Đền Chùa Cầu Muối	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	3,00	0,01			2,99
112	Dự án xây dựng công trình cải tạo chống quá tải (đường dây 971, 972, 974 trung gian Phú Bình lên 22kV, 35 kV)	Các xã trên địa bàn huyện Phú Bình	0,31	0,09			0,22
113	Dự án cải tạo, nâng cấp chống quá tải đường dây 10kV sau trạm trung gian Phú Bình 2 lên 22kV	Các xã trên địa bàn huyện Phú Bình	0,05	0,03			0,02
114	Dự án nâng cao hiệu quả lưới điện trung hạ áp khu vực thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (Dự án KFW3)	Xã Diềm Thụy, Thượng Đình huyện Phú Bình	0,11	0,04			0,07
115	Dự án cải tạo nâng cấp hệ thống điện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên 373 Gò Đầm - 373 Phú Bình.	Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình	0,007	0,003			0,004
116	Dự án cải tạo lưới điện trung, hạ áp tỉnh Thái Nguyên	Xã Bàn Đạt, Lương Phú, huyện Phú Bình	0,020	0,020			
117	Dự án đầu tư xây dựng công trình xuất tuyến 22 KV, 35KV và trạm biến áp Yên Bình 2	Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình	0,04	0,04			
118	Nhà máy xử lý môi trường công nghệ cao Hòa Lâm Tân Thành	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	9,40	0,49			8,91
119	Xây dựng điểm thu gom rác thải tập trung xã Tân Kim	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	0,01				0,01
120	Dự án xây dựng nghĩa trang liệt sỹ xã Tân Thành	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	1,20				1,20
121	Xây dựng Nghĩa trang liệt sỹ xã Thanh Ninh	Xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình	0,67	0,40			0,27
122	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Tân Khánh	Xã Tân Khánh, huyện Phú Bình	0,05				0,05

Phụ lục VI
DANH MỤC 40 CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐĂNG KÝ MỚI NĂM 2022
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ BÌNH
(Kèm theo Quyết định số 4233 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG		315,99	189,09			126,90
1	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm (có danh sách chi tiết kèm theo)	Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Phú Bình	3,95				3,95
2	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị (có danh sách chi tiết kèm theo)	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	0,005	0,005			
3	Khu tái định cư phục vụ GPMB dự án đường vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang)	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	4,00	4,00			
4	Khu đô thị số 11 thị trấn Hương Sơn (bổ sung)	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	0,78	0,39			0,39
5	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn (có danh sách chi tiết kèm theo)	Các xã trên địa bàn huyện Phú Bình	0,27	0,15			0,12
6	Điểm dân cư nông thôn Đông Yên, xã Thượng Đình (bổ sung)	Xã Thượng Đình, huyện Phú Bình	0,02	0,02			
7	Điểm dân cư nông thôn mới xóm Soi 1	Xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	4,05	3,03			1,02
8	Điểm dân cư nông thôn mới xóm Soi 2	Xã Nhã Lộng huyện Phú Bình	3,93	2,04			1,89
9	Điểm dân cư nông thôn mới xóm Trại	Xã Nhã Lộng huyện Phú Bình	4,30	3,43			0,87
10	Khu dân cư số 1 xã Bảo Lý	Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	5,83	2,85			2,98
11	Khu dân cư số 2 xã Bảo Lý	Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	6,00	1,82			4,18
12	Khu dân cư mới trung tâm xã Tân Thành	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	5,50	1,70			3,80
13	Khu đô thị số 1 thuộc đô thị mới Diêm Thụy	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	6,08	2,60			3,48
14	Khu dân cư Kha Sơn	Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	18,83	15,94			2,89
15	Khu đô thị số 7 thuộc đô thị mới Diêm Thụy	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	23,69	9,02			14,67
16	Khu dân cư Kha Bình Lâm (Khu dân cư số 5 xã Kha Sơn)	Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	6,86	5,66			1,20
17	Khu đô thị sinh thái Seoul Park City Thái Nguyên thuộc đô thị mới Diêm Thụy	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	38,37	2,84			35,53
18	Dự án khu dân cư thuộc đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu Trung tâm xã Bàn Đạt	Xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình	1,00	0,70		✓	0,30
19	Khu dân cư xóm Cù	Xã Hà Châu, huyện Phú Bình	7,04	5,34			1,70
20	Khu dân cư Miền An Châu	Xã Nga My, huyện Phú Bình	5,41	3,99			1,42
21	Khu dân cư Trung tâm xã Tân Kim	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	9,00	6,80			2,20
22	Trung tâm đô thị, hành chính tổng hợp xã Kha Sơn	Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	49,15	28,08			21,07
23	Khu dân cư mới Xuân Phương (bổ sung)	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	0,30	0,10			0,20

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
24	Khu đô thị số 3 thuộc đô thị mới Diêm Thụy (bổ sung)	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	2,51	2,21			0,30
25	Khu đô thị số 6 thuộc đô thị mới Diêm Thụy (bổ sung)	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	0,12	0,12			
26	Trung tâm văn hóa thể thao xã Thanh Ninh	Xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình	0,08	0,08			
27	Cải tạo, nâng cấp Đền thờ các anh hùng liệt sỹ huyện Phú Bình (bổ sung)	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	0,25				0,25
28	Trạm Y tế xã Nhà Lộng	Xã Nhà Lộng, huyện Phú Bình	0,20	0,18			0,02
29	Cụm công nghiệp Hạnh Phúc - Xuân Phương	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	74,85	64,95			9,90
30	Cửa hàng tự chọn và dịch vụ thương mại, ẩm thực tại Tò dân phố Đình Cả 1 và tổ dân phố Đình Cả 2	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	1,01	0,56			0,45
31	Trung tâm dịch vụ tổng hợp Núi Ngọc	Xã Nga My, huyện Phú Bình	2,20	1,36			0,84
32	Cơ sở kinh doanh sắt thép, vật liệu xây dựng, chế tạo cơ khí Tuân Văn	Xã Hà Châu, huyện Phú Bình	1,78	1,78			
33	Tuyến đường theo bờ kênh 4, xã Dương Thành	Xã Dương Thành, huyện Phú Bình	0,20	0,15			0,05
34	Đường Vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang)	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	9,00	7,68			1,32
		Xã Lương Phú, huyện Phú Bình	8,65	5,76			2,89
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	5,75	3,22			2,53
35	Tiêu dự án mở rộng và cải tạo lưới điện trung áp hạ áp tỉnh Thái Nguyên thuộc Dự án phát triển lưới điện truyền tải và phân phối lần 2 vay vốn của cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản JICA	Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Phú Bình	0,18	0,12			0,06
36	Công trình nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của các đường dây 472E6.17 và 474E6.17 theo phương án đa chia - đa nối (MDMC)	Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Phú Bình	0,04	0,02			0,02
37	Công trình cấy thêm Trạm biến áp chống quá tải khu vực huyện Phú Bình và huyện Đồng Hỷ năm 2022	Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Phú Bình	0,03	0,01			0,02
38	Chợ Bảo Lý	Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	0,50	0,30			0,20
39	Nghĩa trang liệt sỹ xã Nhà Lộng	Xã Nhà Lộng, huyện Phú Bình	0,09	0,09			
40	Dự án khai thác đất làm vật liệu tại khu vực xóm Ngoài, xóm Giữa, xã Xuân Phương và xóm Kha Nhi, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	1,50				1,50
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	2,70				2,70

DANH SÁCH CHI TIẾT HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN XIN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 4233 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ (Xã, thị trấn)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Loại đất	Diện tích, loại đất xin chuyển mục đích (ha)			
						Tổng diện tích xin chuyển mục đích	Trong đó:		
							Sang đất ở	Sang đất trồng cây lâu năm	Sang đất trồng cây hàng năm
I	Thị trấn Hương Sơn								
1	Lương Văn Cảnh	Thị trấn Hương Sơn	2109	20	LUC	0,005	0,005		
II	Xã Diềm Thụy								
1	Ngô Đại Xuân	Xã Diềm Thụy	2224	9	BHK	0,020	0,020		
2	Dương Văn Giang	Xã Diềm Thụy	1986	16	BHK	0,010	0,010		
III	Xã Nga My								
1	Dương Thị Nhung	Xã Nga My	247	37	LUC	0,015	0,015		
2	Nguyễn Văn Vinh	Xã Nga My	248	37	LUC	0,009	0,009		
3	Nguyễn Văn Yên	Xã Nga My	1252	2	BHK	0,030	0,030		
4	Nguyễn Thị Lan	Xã Nga My	951	2	LUK	0,018	0,018		
5	Nguyễn Văn Sơn	Xã Nga My	323	36	CLN	0,010	0,010		
6	Thân Văn Dân	Xã Nga My	322	36	CLN	0,010	0,010		
7	Trần Mạnh Hùng	Xã Nga My	321	36	CLN	0,010	0,010		
8	Bùi Hữu Tập	Xã Nga My	320	36	CLN	0,010	0,010		
9	Nguyễn Thị Thêm	Xã Nga My	319	36	CLN	0,010	0,010		
IV	Xã Dương Thành								
1	Nguyễn Quang Hưng	Xã Dương Thành	308	3	LUC	0,035	0,035		
V	Xã Tân Đức								
1	Đào Văn Núi	Xã Tân Đức	2	14	LUC	0,050	0,050		
VI	Xã Đào Xá								
1	Dương Quang Mạc	Xã Đào Xá	728	15	BHK	0,010	0,010		
VII	Xã Tân Hòa								
1	Lương Văn Hoa	Xã Tân Hòa	603	16	RSX	2,268		2,268	
2	Lương Văn Hoa	Xã Tân Hòa	690	15	LUC	0,020	0,020		
3	Thân Thị Thành	Xã Tân Hòa	605	16	RSX	1,683		1,683	